

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2025/HS-PT
Ngày: 04 – 7 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương.
Bà Lê Kim Đó.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 161/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 04 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thị Kim Đ do có kháng cáo của bị cáo Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2025/HS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai).

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Kim Đ, sinh năm 1986 tại Đắc Lắc.

Căn cước công dân số 066186015928, Cục QLHC về TTXH cấp ngày 14/3/2024. Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Nơi sinh sống (đăng ký tạm trú): Tổ F, ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai). Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn K, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955 (đã chết); có chồng tên Nguyễn Văn C1 (đã ly hôn) và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không.

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính:

Ngày 29/10/2024, Trần Thị Kim Đ điều khiển xe mô tô biển số 78M1-101.46 từ khu P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến nhà bạn tại khu P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để chơi. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô trên đi về, khi đi đến đoạn đường thuộc ấp B, xã P, huyện L thì Đ dừng xe vào quán “Cơm Tấm” bên đường để mua cơm. Đ nói chị Kim P (nhân viên quán cơm) mua 01 hộp cơm tấm với giá 30.000 đồng, Đào đi đến tủ đựng thức ăn và kêu chị Kim P lấy thêm đồ ăn để bán cho Đ. Lúc này, Đ nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus, 64Gb màu đỏ đang để trên tủ đựng đồ ăn nên nảy sinh ý định lấy trộm. Lợi dụng lúc chị Kim P không để ý, Đ đã lén lút lấy chiếc điện thoại trên giấu vào túi áo khoác đang mặc, sau đó Đ trả tiền cơm rồi điều khiển xe mô tô để về phòng trọ. Đến khoảng 15 giờ ngày 30/10/2024, Đ mang điện thoại di động trên (không có mặt khóa) đến tiệm C2 thuộc khu P, phường M, Thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do anh Lê Ngọc T làm chủ, cầm cố số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 31/10/2024, Đ đến Công an xã P đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau đó Công an xã P đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện L giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 31/10/2024, chị Kim P làm đơn trình báo đến Công an xã P, huyện L.

2. Giám định, vật chứng:

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐĐGTS ngày 05/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận 01 điện thoại Iphone 8 Plus 64Gb, màu đỏ trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng, tài sản tạm giữ, thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 78M1-101.46 màu đỏ đen, đã qua sử dụng.
- 01 áo khoác tay dài màu cam, đã qua sử dụng.
- 01 nón bảo hiểm màu trắng.
- 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus 64Gb, màu đỏ, đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng, tài sản: Đối với xe mô tô biển số 78M1-101.46 màu đỏ đen do Đào đứng tên chủ sở hữu, 01 áo khoác dài tay màu cam, 01 nón bảo hiểm màu trắng đã qua sử dụng đều là tài sản của Đ. Qua điều tra xác định tài sản tạm giữ này không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đ theo quy định.

Đối với điện thoại di động Iphone 8 Plus 64Gb, màu đỏ, đã qua sử dụng là tài sản của bị hại K, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại theo quy định.

4. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Kim P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ngoài ra, bị cáo Đ đã trả lại cho anh Lê Ngọc T là chủ tiệm cầm đồ số tiền cầm cố điện thoại, anh T không yêu cầu gì thêm.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt: Bị cáo Trần Thị Kim Đ 06 (sáu) tháng tù vì tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án.

6. Kháng cáo: Ngày 26/02/2025, bị cáo Trần Thị Kim Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

7. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Kiểm sát viên đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị Kim Đ theo tội danh và điều luật tại bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ đặc biệt. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 29/10/2024, tại quán bán cơm tấm thuộc ấp B, xã P, huyện L, bị cáo Trần Thị Kim Đ lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại Iphone 8 Plus 64Gb, màu đỏ trị giá 2.500.000 đồng của chị Kim P, (là nhân viên bán quán). Hành vi của bị cáo Trần Thị Kim Đ đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Kim Đ theo bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đ giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã được đánh giá tại bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Đ trình bày và cung cấp “Đơn xin xác nhận” của Công ty TNHH D với nội dung bị cáo làm bảo vệ tại Công ty từ tháng 09/2024 đến tháng 05/2025, trong quá trình làm việc, bị cáo hay bị đau đầu, đi khám thì phát hiện u não giai đoạn 2, do không đảm bảo sức khỏe nên Công ty đã cho bị cáo nghỉ việc và đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị cáo trình bày bị bệnh nhưng không cung cấp được tài liệu để chứng minh. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Đ có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ

ràng, ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đã ly hôn và trực tiếp nuôi hai con nhỏ. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã chủ động khắc phục thiệt hại, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại nên thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Đ có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng điều 65 BLHS về án treo số 02/VBKN-TANDTC ngày 07/9/2022 của TANDTC. Nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo và chăm sóc, nuôi dưỡng các con chưa thành niên, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim Đ.

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai).

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Kim Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Kim Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai), nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Thị Kim Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Khu vực 2 – Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 2 – Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Đồng Nai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Phước Thái – Đồng Nai;
- Bị cáo; Bị hại.
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Kiều Vân